

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 163/QĐ-ĐT-ĐHNL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên-Tiếng Anh cho sinh viên
đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 58/ 2010/QĐ-TTG ngày 22 tháng 9 năm 20103
của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ Trường Đại học”;

Căn cứ Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ
thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày
15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng Khoa Ngoại ngữ-
Su phạm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên-Tiếng
Anh cho sinh viên đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, cụ
thể như sau:

1. Chính thức áp dụng chuẩn đầu ra tương đương cấp độ B1 của CEFR
(Khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng Châu Âu kèm theo) dành
cho tiếng Anh,

2. Sinh viên được xét miễn hai học phần tiếng Anh điều kiện (Anh văn
1 và Anh văn 2) và công nhận đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra nếu đáp ứng
một trong các điều kiện sau:

- Có một trong những chứng chỉ quốc tế Tiếng Anh: TOEFL 400,
TOEIC 450, IELTS 4.5, PET 70, BULATS 40.


- Có trình độ tiếng Anh tương đương B1 của CEFR do Trung tâm Ngoại ngữ Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận.


Điều 2: Quy định này có hiệu lực thi hành đối với sinh viên Đại học, cao đẳng chính quy không chuyên ngoại ngữ từ khóa 2008 trở về sau đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Điều 3: Các Ông Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng Khoa/BM, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, các sinh viên có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Đảng ủy, BGH
- Lưu ĐT, HC.

HIỆU TRƯỞNG 



TS. TRỊNH TRƯỜNG GIANG

Phụ lục

KHUNG THAM CHIẾU NGÔN NGỮ CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG CHÂU ÂU

Mô tả tóm tắt 6 cấp độ của CEFR

CẤP ĐỘ	MÔ TẢ TÓM TẮT	
PROFICIENT USER (SỬ DỤNG THÀNH THẠO)	C2	Có khả năng hiểu một cách dễ dàng những thông tin đọc và nghe được. Tóm tắt thông tin từ các nguồn nói và viết khác nhau, tái cấu trúc các lập luận và miêu tả thành một trình tự gắn kết. Biểu hiện khả năng ngôn ngữ một cách tự nhiên, trôi chảy và chính xác, phân lập các tầng nghĩa khác nhau kể cả trong những tình huống phức tạp.
	C1	Có khả năng hiểu đa dạng các loại văn bản dài và phức tạp, nhận biết được các hàm ý. Biểu hiện khả năng ngôn ngữ một cách tự nhiên, thuần thục mà không gặp phải nhiều khó khăn. Sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ trong các mục đích xã hội, học tập hay công việc. Có khả năng dùng các câu có cấu trúc chặt chẽ, rõ ý về những đề tài phức tạp, sử dụng linh hoạt các thành phần câu, từ nối câu và các cụm từ chức năng.
INDEPENDENT USER (SỬ DỤNG ĐỘC LẬP)	B2	Có khả năng hiểu các ý chính trong văn bản phức tạp về các chủ đề trừu tượng cũng như phi trừu tượng, bao gồm những thảo luận về các vấn đề kỹ thuật trong từng chuyên ngành của người học. Giao tiếp một cách tự nhiên và lưu loát với người bản địa, không gây sự hiểu lầm giữa đôi bên. Có khả năng sử dụng các câu chi tiết, rõ ràng trong nhiều chủ đề khác nhau, bày tỏ quan điểm về một vấn đề cũng như so sánh những ưu, nhược điểm của từng đề tài trong các bối cảnh khác nhau.
	B1	Có khả năng hiểu những ý chính trong ngôn ngữ thông qua các chủ đề quen thuộc thường gặp trong công việc, ở trường học hay khu vui chơi... Có thể xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra trong giao tiếp. Có khả năng sử dụng các câu liên kết đơn giản trong các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hoặc liên quan đến sở thích cá nhân. Có thể miêu tả các sự kiện, các trải nghiệm, giấc mơ, ước ao hay tham vọng của mình và đưa ra những nguyên nhân, giải thích cho các ý kiến và dự định đó.
BASIC USER (SỬ DỤNG CÁN BẢN)	A2	Có thể hiểu câu và các cụm từ thông thường trong những hầu hết các chủ đề quen thuộc (ví dụ: thông tin cơ bản về bản thân và gia đình, mua sắm, địa lý địa phương, vấn đề việc làm). Có thể giao tiếp đơn giản, thực hiện các yêu cầu cơ bản và nắm bắt được thông tin khi giao tiếp trong các bối cảnh quen thuộc. Có thể dùng từ vựng đơn giản để miêu tả lý lịch cá nhân, bối cảnh trực tiếp hay những chủ đề về các nhu cầu cấp bách.
	A1	Có khả năng hiểu và sử dụng các cấu trúc câu đơn giản và cơ bản nhằm đáp ứng những yêu cầu cụ thể. Có khả năng giới thiệu bản thân và những người khác, có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân như nơi sinh sống, những người quen biết hay những vật dụng sở hữu. Có thể giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng và sẵn lòng nhận trợ giúp.

Ghi chú:

Thông tin chi tiết về chuẩn đánh giá CEFR có thể tìm được trong tài liệu *Manual for relating language examinations to the Common European Framework of Reference for Languages Learning, Teaching, Assessment* (http://www.coe.int/t/dg4/linguistic/cadre_en.asp)

Năng lực ngôn ngữ của trình độ B1

Trình độ B1

Theo chuẩn CEFR, một học viên đạt cấp độ B1 nhìn chung có những năng lực sau:

- Nắm được ý chính khi nghe/đọc các văn bản chuẩn về những đề tài phổ thông, thường gặp ở nơi làm việc, trường học, nơi vui chơi giải trí v.v.
- Có thể xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy đến khi đi đến những nơi sử dụng ngôn ngữ đó.
- Có thể tạo ra các ngôn bản có tính liên kết về những đề tài quen thuộc hay phù hợp với sở thích cá nhân.
- Có thể miêu tả những trải nghiệm, sự kiện, ước mơ, hi vọng, ước muốn và lý giải đơn giản cho các ý kiến và kế hoạch được vạch ra.

Vốn ngôn ngữ nói chung	Vốn từ vựng	Khả năng kiểm soát từ vựng	Độ chính xác ngữ pháp	Khả năng kiểm soát ngữ âm
Có đủ vốn ngôn ngữ để mô tả những tình huống không dự liệu trước, giải thích điểm chính của một ý kiến hay một vấn đề tương đối chính xác.	Có đủ vốn từ vựng để diễn đạt ý tưởng cá nhân (dù đôi khi phải dùng lối nói vòng) khi bàn về đa số các đề tài liên quan đến cuộc sống hàng ngày như gia đình, sở thích, công việc, du lịch, các sự kiện mới xảy ra.	Có khả năng sử dụng vốn từ cơ bản tốt nhưng vẫn còn mắc các lỗi nghiêm trọng khi phải diễn đạt các suy nghĩ có tính phức tạp hơn hoặc phải xử lý các đề tài và tình huống không quen thuộc.	Có thể giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc với độ chính xác ở mức chấp nhận được; nhìn chung có khả năng kiểm soát tốt tuy còn chịu ảnh hưởng rất rõ rệt bởi tiếng mẹ đẻ. Tuy vẫn có lỗi nhưng người nói vẫn thể hiện nỗ lực trong việc diễn đạt ý tưởng. Sử dụng một các hợp lý và chính xác các thuật ngữ có tính "công thức", hay dùng thường ngày và các mẫu ngữ pháp gắn liền với những tình huống quen thuộc	Pháp âm dễ hiểu cho dù ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ còn nhiều và còn thường mắc lỗi phát âm

